

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Đỗ Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Băng T, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: 391/7, Tổ 26A, Ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: 391/7, Tổ 26A, Ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Băng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành L kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2018. Nguyên nhân là do anh L ghen tuông vô cớ, chửi mắng và đánh đập chị. Chị bỏ về nhà ba mẹ ruột chị sinh sống và ly thân anh L từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị vẫn tạo điều kiện cho anh L đến nhà thăm con và có cơ hội hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Nay chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Ngọc Tú A2, sinh ngày 24/10/2015. Hiện nay, cháu A đang do anh L nuôi dưỡng, cháu A2 đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu A2, giao cháu A cho anh L nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Băng T kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. chị T trình bày vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 01/2018 là không đúng. Việc chị T cho rằng anh ghen tuông vô cớ và đánh đập chị, anh thừa nhận có ghen nhưng vì anh còn tình cảm với chị T. chị T đi khỏi nhà anh và về nhà ba mẹ ruột sinh sống từ khoảng tháng 5/2018 cho đến nay. Trong thời gian chị T về nhà ba mẹ ruột, anh có liên lạc và đến gặp chị T để vợ chồng đoàn tụ và để thăm con nhưng không đoàn tụ được. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 5/2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý do anh còn tình cảm với chị T và muốn đoàn tụ nuôi con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Ngọc Tú A2, sinh ngày 24/10/2015. Hiện nay, cháu A2 đang do chị T nuôi dưỡng, cháu A đang do anh nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu A2, giao cháu A cho anh nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có mặt tại Tòa án để cung cấp lời khai nhưng sau đó không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 17/10/2010 cho anh L nuôi dưỡng; chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tú A2, sinh ngày 24/10/2015, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Băng T và anh Nguyễn Thành L tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số: 139, Quyền số 01/09 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Cả chị T và anh L đều xác định quá trình chung sống đến năm 2018 thì anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, anh L và chị T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L ghen tuông và đánh đập chị T, anh thừa nhận có ghen. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của anh L và chị T theo quy định của pháp luật để anh chị đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L nên việc hòa giải không thành.

Do đó, đủ cơ sở xác định chị T và anh L không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tạo điều kiện, giúp đỡ nhau tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng mà pháp luật quy định làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho chị T và anh L ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Ngọc Tú A2, sinh ngày 24/10/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi Nguyễn Ngọc Tú A2, anh L yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Do đó, xử giao cháu A2 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu A cho anh L nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Băng T đối với anh Nguyễn Thành L. Xử cho chị T được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 17/10/2010 cho anh Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc Tú A2, sinh ngày

24/10/2015 cho chị Trần Thị Băng T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, chị T và anh L có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị T, anh L thực hiện quyền này. Trong trường hợp chị T, anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T, anh L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của chị T, anh L. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí Tòa án: Chị Trần Thị Băng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005194 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị T đã nộp xong).

5. Chị Trần Thị Băng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng